

TÌM HIỂU CHUNG VỀ VĂN MIÊU TẢ

I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS :

- Nắm được những hiểu biết chung nhất về văn miêu tả trước khi đi sâu vào một số thao tác chính nhằm tạo lập loại văn bản này ;
- Nhận diện được những đoạn văn, bài văn miêu tả ;
- Hiểu được trong những tình huống nào thì người ta thường dùng văn miêu tả.

II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

Đây là phần mở đầu cho nhóm bài *Văn miêu tả*, vì thế xin nêu mấy điểm cần lưu ý khi dạy phần này trong sách *Ngữ văn 6*, tập hai.

- Văn miêu tả đã được dạy ở bậc Tiểu học với các nội dung cụ thể như sau :
 - + Lớp 4 : miêu tả đồ vật, cây cối, loài vật, phong cảnh.
 - + Lớp 5 : tả người, tả cảnh sinh hoạt.
- Chương trình Tập làm văn lớp 6 chính lí năm 1995 cũng dạy về *văn tả cảnh* cùng với ba kiểu bài khác là *văn trần thuật*, *phát biểu cảm nghĩ* và *viết thư*.

– Sách *Ngữ văn 6*, tập hai dạy văn miêu tả có mới hơn và cần lưu ý những điểm sau :

Thứ nhất : Văn miêu tả trong nhà trường có rất nhiều kiểu bài cụ thể. Trước đây, Nghiêm Toản đã chia ra các kiểu như : *tả vật, tả người, tả cảnh, tả sinh hoạt, tả một động tác, tả khí tượng, tả cây cối, hoa cỏ, tả loài vật, tả côn trùng, tả xen* (*Việt luận*, Khai trí, Sài Gòn, 1969). Hiện nay, chúng ta có thể không cần dạy đủ tất cả, nhưng xem những loại nào thông dụng và đơn giản thì dạy ở Tiểu học, còn loại nào phức tạp hơn, khó hơn thì dạy ở cấp THCS. Chúng tôi xây dựng Chương trình và viết phần Văn miêu tả ở *Ngữ văn 6*, tập hai với tinh thần và quan niệm sau đây :

– Có một sự điều chỉnh, cấu trúc lại nội dung cũng như phương pháp dạy học các loại hình văn bản nói chung và văn miêu tả nói riêng ở Chương trình – SGK Tiểu học mới. Có nghĩa là văn miêu tả trong *Ngữ văn 6*, tập hai sẽ tiếp nối và tạo sự đồng bộ với Chương trình – SGK Tiểu học 2000 chứ không phải Chương trình và SGK Tiểu học cũng như THCS chỉnh lí năm 1995.

– Với tinh thần đó, Chương trình Tiểu học mới cũng học văn miêu tả, nhưng chủ yếu là tả ở mức độ đơn giản. Đề tài là những gì gần gũi, thân quen với thế giới trẻ thơ mà các em có thể quan sát được một cách dễ dàng, cụ thể : chiếc cặp, quyển vở, cái bàn, những con vật nuôi trong nhà,... Về quy mô, yêu cầu chủ yếu là viết được đoạn văn miêu tả, cao hơn là một bài văn miêu tả ngắn (khoảng từ 200 – 250 chữ). Về cách thể hiện : từ việc tả tự do (ở lớp 4) nâng dần lên yêu cầu tả có thứ tự, thể hiện nội dung một cách thích hợp (vào cuối lớp 5).

– Lên cấp THCS, văn miêu tả được dạy lặp lại hai vòng (vòng một : lớp 6 và vòng hai : lớp 8 – 9). Tất nhiên là có kế thừa và nâng cao giữa hai lớp (Chương trình chỉnh lí năm 1995, văn miêu tả chỉ được học ở lớp 6). Lớp 6 sau khi giới thiệu chung về văn miêu tả thì đi vào hai kiểu bài : *tả cảnh* và *tả người*. Tả cảnh gồm *cảnh thiên nhiên* và *cảnh sinh hoạt*; tả người gồm *tả chân dung* và *tả người trong một hoạt động cụ thể*. Lên lớp 8 – 9, vẫn là văn miêu tả (tả cảnh và tả người) nhưng không tách rời mà yêu cầu kết hợp cả hai loại. Khi tả người không chỉ tả ngoại hình như lớp 6 mà chú ý hơn vào việc miêu tả diễn biến tâm lí, tình cảm, thái độ,... Tả ngoại hình nhân vật cũng không chỉ tả riêng chân dung mà miêu tả toàn diện hơn và chú ý sự phù hợp giữa ngoại hình với nội tâm nhân vật, tả người trong hoạt động, trong sinh hoạt. Tả cảnh nhưng chú ý cảnh phù hợp với tâm trạng nhân vật,... Đặc biệt ở vòng hai, văn miêu tả được dạy không tách rời phương thức tự sự ; có nghĩa là những nội dung miêu tả vừa nêu luôn gắn với văn kể chuyện, đan xen và kết hợp chặt chẽ trong một văn bản tự sự. Về quy mô, bài văn

miêu tả ở lớp 6 có dung lượng khoảng từ 300 đến 400 chữ ; lên lớp 8 – 9, mỗi bài dài khoảng từ 500 đến 700 chữ. Về kĩ năng, ở lớp 6, HS chủ yếu rèn luyện các kĩ năng miêu tả chung như quan sát, nhận xét, so sánh, tưởng tượng, ..., kĩ năng lựa chọn chi tiết và xây dựng bài văn tả cảnh, tả người ; lên lớp 8 – 9, tập cho HS các kĩ năng xác định đề tài và đối tượng miêu tả, kĩ năng xây dựng đoạn, tách đoạn văn miêu tả, kĩ năng kết hợp miêu tả với tự sự, miêu tả với biểu cảm và lập luận,... Về cách thể hiện, lớp 6 yêu cầu miêu tả một cách có thứ tự, cân đối, hài hoà, làm nổi bật được đặc điểm của đối tượng,... ; lên lớp 8 – 9, ngoài các yêu cầu trên, phải chú ý tới việc thể hiện một cách có hiệu quả.

Thứ hai : Cấu trúc nội dung văn miêu tả trong sách *Ngữ văn 6*, tập hai được xây dựng theo thứ tự sau :

Về lí thuyết :

Bài 18 : *Tìm hiểu chung về văn miêu tả* với hai nội dung : khi nào cần miêu tả và thế nào là văn miêu tả.

Bài 19 : *Quan sát, tưởng tượng, so sánh và nhận xét trong văn miêu tả*. Đây là những kĩ năng chung nhất, quan trọng nhất, dù tả cảnh hay tả người, khi miêu tả người viết đều phải vận dụng.

Sau khi tìm hiểu chung về văn miêu tả và những kĩ năng quan trọng, có hai bài đi sâu vào văn miêu tả :

Bài 21 : *Phương pháp tả cảnh* : đặc điểm và cách làm.

Bài 22 : *Phương pháp tả người* : đặc điểm và cách làm.

Bài 28 : *Ôn tập văn miêu tả* : củng cố kiến thức và những điều cần lưu ý về văn miêu tả.

Về thực hành nói :

Bài 20 : *Luyện nói về quan sát, tưởng tượng, so sánh và nhận xét trong văn miêu tả*. Bài này vừa đặt ra yêu cầu luyện nói (một kĩ năng chưa được chú ý trong Chương trình chính lí năm 1995), vừa qua luyện nói mà củng cố và luyện tập về các kĩ năng cơ bản trên.

Bài 23 : *Luyện nói về văn miêu tả*.

Về thực hành viết :

Học kì II lớp 6 có bốn bài viết với yêu cầu về nội dung chính như sau :

- Bài 21 : viết bài tập làm văn số 5 – Văn tả cảnh (*làm ở nhà*).
- Bài 25 : viết bài tập làm văn số 6 – Văn tả người (*làm tại lớp*).
- Bài 28 : viết bài tập làm văn số 7 – Văn miêu tả sáng tạo (*làm tại lớp*).

– Bài 34 : thi học kì II, viết bài kiểm tra tổng hợp cuối năm (cả miêu tả và tự sự).

Thực hành trả bài :

Ba bài tập làm văn số 5, 6 và 7 đều có giờ trả bài với nội dung và yêu cầu cụ thể.

Thứ ba : Nhìn chung, cách trình bày của tất cả các bài về văn miêu tả đều theo tinh thần đưa HS vào hoạt động tự tìm hiểu. Thường là bắt đầu từ các đoạn mẫu, bài mẫu, sau đó yêu cầu HS tìm hiểu qua các câu hỏi, bài tập, rồi mới rút ra bài học bằng một đoạn ghi nhớ ngắn gọn. Sau *Ghi nhớ* là phần *Luyện tập*. Phần bài học (lí thuyết) cần giảng nhanh gọn, vì đã yêu cầu HS chuẩn bị bài ở nhà, thời gian cần tập trung cho luyện tập (khoảng 25 phút), qua luyện tập mà củng cố phần lí thuyết đã học. Sách giới thiệu một hệ thống bài tập, câu hỏi luyện tập khá phong phú, nhưng không nhất thiết phải làm tất cả. Vì sách viết theo tinh thần tăng cường hoạt động cho HS nên GV cần hướng dẫn HS chuẩn bị bài thật tốt ở nhà thì mới có thể hoàn thành được công việc trên lớp.

Thứ tư : Ngữ văn 6, tập hai đưa vào nội dung tập làm thơ bốn chữ và thi làm thơ năm chữ, coi đó là hoạt động ngữ văn. Điều cần lưu ý ở đây là, mục đích của những giờ này không phải nhằm dạy cho HS biết làm thơ mà chủ yếu là giúp các em nắm được, nhận diện được *đặc điểm của thể thơ* thông qua các bài giảng văn về thể thơ ấy. Tất nhiên với những HS có năng khiếu thơ văn thì đây là một dịp để các em tự thể hiện, tự đánh giá và điều chỉnh những năng lực cũng như sự hiểu biết của chính mình. Hình thức sinh hoạt ngữ văn này, do vậy, vừa thay đổi không khí học tập, vui và bổ ích, vừa giúp các em tự bộc lộ mình, vừa bổ sung những kiến thức ngữ văn cần thiết cho việc tiếp nhận tác phẩm văn học tốt hơn.

Dưới đây là một số điểm cụ thể về nội dung và phương pháp khi dạy phần Tập làm văn ở Bài 18.

1. Về nội dung

Có nhiều cách tiếp cận và tìm hiểu văn miêu tả. Trong Chương trình Tiểu học, HS đã được học về văn miêu tả ở mức độ thấp hơn. Bài học này tập trung vào hai nội dung chính sau đây :

- Trường hợp người ta thường dùng và phải dùng văn miêu tả ;
 - Bản chất của văn miêu tả và yêu cầu cơ bản đối với người viết văn miêu tả.
- Nội dung thứ hai là nội dung trọng tâm cần chú ý.

a) Trường hợp dùng văn miêu tả : Có thể nêu một cách giản dị và ngắn gọn là : Khi người ta cần tái hiện hoặc giới thiệu với ai đó về một sự vật, một người mà người được giới thiệu chưa nhận ra, chưa trông thấy, chưa hình dung được,...

b) Bản chất của văn miêu tả và yêu cầu đối với người viết : Bản chất của văn miêu tả là làm nổi bật được các đặc điểm cụ thể và tính chất tiêu biểu của sự vật, con người,... Qua các đặc điểm, tính chất đó, người đọc hình dung và nhận ra ngay sự vật, con người được miêu tả. Vì vậy, khi viết văn miêu tả, điều quan trọng nhất là phải biết quan sát và dẫn ra được hình ảnh cụ thể, tiêu biểu nhất cho sự vật, con người được miêu tả. Tránh tình trạng cái đáng nêu lại không nêu, miêu tả chung chung, tả mãi mà người đọc vẫn không nhận ra được người viết định tả ai, cái gì.

Để làm nổi bật được tính chất và đặc điểm tiêu biểu của sự vật, con người thì người viết phải biết quan sát, tức là biết nêu cái gì đáng nêu, biết chú ý những gì đáng chú ý,...

Các phần chủ yếu của bài này (từ hình thành khái niệm, luyện tập và đề văn ứng dụng) đều tập trung giúp HS nhận ra yêu cầu cốt yếu nhất của văn miêu tả là phải nêu được *đặc điểm nổi bật* của sự vật và con người định miêu tả.

2. Về phương pháp

Bài trong SGK viết theo tinh thần buộc GV không thuyết trình, không nêu ngay khái niệm về văn miêu tả mà chủ yếu là hướng dẫn HS tìm hiểu và tự rút ra nhận xét, kết luận và sau đó luyện tập để củng cố kiến thức.

III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

– Kiểm tra hiểu biết của HS về văn miêu tả hoặc văn kể chuyện đã học ở *Ngữ văn 6*, tập một.

– Nội dung kiểm tra chủ yếu là nêu mục đích của bài văn kể hoặc bài văn tả. Từ việc trả lời của HS, GV bổ sung và dẫn vào bài mới.

Hoạt động 1. Hướng dẫn HS tìm hiểu các tình huống (khoảng 15 – 20 phút).

Bước 1 : Cho HS đọc và trả lời cụ thể ba tình huống trong SGK. Cũng có thể cho ba nhóm thảo luận, mỗi nhóm trả lời một tình huống. Bước này không nên mất nhiều thời gian, nên dành thời gian cho bước 2.

Bước 2 : Từ việc tìm hiểu ba tình huống trên, cho HS tìm ra các tình huống tương tự, cũng có thể cho thảo luận trong nhóm vừa chia, sau đó trình bày trước

lớp. Việc tìm ra được nhiều các tình huống tương tự chứng tỏ HS đã bước đầu nắm được bài.

Bước 3 : Yêu cầu HS rút ra nhận xét thế nào là văn miêu tả. Không nhất thiết là HS phải trả lời đúng ngay. Có thể từ chỗ các em chưa rõ, chưa hiểu hết chuyển tiếp sang câu hỏi khác ở bước 4.

Bước 4 : Giao nhiệm vụ tìm hai đoạn văn miêu tả Dế Mèn và Dế Choắt trong văn bản vừa học đầu tuần. Cho HS đọc lên hai đoạn văn tìm được và thảo luận hai câu hỏi :

a) Qua đoạn văn, em thấy Dế Mèn có đặc điểm gì nổi bật ? Những chi tiết và hình ảnh nào cho thấy điều đó ?

b) Dế Choắt có đặc điểm gì nổi bật, khác Dế Mèn ở chỗ nào ? Chi tiết và hình ảnh nào cho thấy điều đó ?

Bước 5 : Cho HS rút ra nội dung ghi nhớ. GV nên nhấn mạnh điểm nào trong phần *Ghi nhớ*. (Bản chất của văn miêu tả đã nêu ở phần II – *Những điều cần lưu ý*.)

Hoạt động 2. Hướng dẫn luyện tập (khoảng 20 phút).

Bước 1 : Nêu yêu cầu nhiệm vụ của việc luyện tập (phần II – *Luyện tập* tr. 16 – 17, SGK).

Bước 2 : Chia ba nhóm, mỗi nhóm tìm hiểu một đoạn theo yêu cầu vừa nêu.

Bước 3 : Các nhóm trình bày kết quả tìm hiểu và nhận xét nội dung trả lời.

Bước 4 : Gợi ý tìm hiểu hai đề văn luyện tập thực hành 2. a, 2. b tr. 17, SGK. Phần này tùy thuộc vào thời gian còn lại của giờ học để hướng dẫn kĩ hay giao về nhà tìm hiểu.

IV – GỢI Ý GIẢI MỘT SỐ CÂU HỎI, BÀI TẬP

Trong tiết này thực ra không có câu hỏi hay bài tập nào quá khó (kể cả hai đề văn luyện tập cuối tiết). Tuy vậy cần có một vài gợi ý để thống nhất. Có hai nội dung phải trả lời : (1) Mỗi đoạn tả cái gì ? (2) Tìm đặc điểm nổi bật của sự vật, con người được miêu tả trong đó. Chú ý phân biệt đặc điểm nổi bật với các chi tiết cụ thể làm nổi bật đặc điểm ấy, tức là phải qua các chi tiết mà khái quát thành đặc điểm nổi bật.

1. Trả lời câu hỏi

Đoạn 1 : Đặc tả chú Dế Mèn vào độ tuổi "thanh niên cường tráng". Những đặc điểm nổi bật : *to khoẻ và mạnh mẽ*. (HS tìm các chi tiết cụ thể mà nhà văn đã dùng để làm nổi bật đặc điểm này.)

Đoạn 2 : Tái hiện lại hình ảnh chú bé liên lạc (Lượm). Đặc điểm nổi bật : một chú bé *nh Nhanh nhẹn, vui vẻ, hồn nhiên*. (HS tìm các chi tiết cụ thể làm nổi bật đặc điểm này.)

Đoạn 3 : Miêu tả cảnh một vùng bãi ven ao, hồ ngập nước sau mưa. Đặc điểm nổi bật : một thế giới động vật *sinh động, ồn ào, huyên náo,...* (HS tìm các chi tiết cụ thể làm nổi bật đặc điểm này.)

2. Để luyện tập

a) Có thể nêu một vài đặc điểm nổi bật của mùa đông như sau :

- Lạnh lẽo và ẩm ướt : gió bắc và mưa phùn ;
- Đêm dài, ngày ngắn ;
- Bầu trời luôn âm u : như thấp xuống, ít thấy trăng sao, nhiều mây và sương mù,...
- Cây cối trơ trọi, khẳng khiu : lá vàng rụng nhiều,...
- Mùa của hoa : đào, mai, mận, mơ, hoa hồng và nhiều loài khác chuẩn bị cho mùa xuân đến.

(HS tìm một số đặc điểm nổi bật khác. Đối với HS miền Nam, GV có thể thay bằng đề khác cho phù hợp.)

b) Có thể nêu một vài đặc điểm nổi bật của khuôn mặt mẹ như :

- Sáng và đẹp ;
- Hiền hậu và nghiêm nghị ;
- Vui vẻ và lo âu, trăn trở.

(HS tìm một số chi tiết làm nổi bật các đặc điểm trên.)

V – TÀI LIỆU THAM KHẢO

(Dùng chung cho toàn bộ phần *Văn miêu tả ở Ngữ văn 6*, tập hai)

1. Tô Hoài, *Một số kinh nghiệm viết văn miêu tả*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1997.
2. Vũ Tú Nam – Phạm Hồ – Bùi Hiến – Nguyễn Quang Sáng, *Văn miêu tả và kể chuyện*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1996.

3. Phong Thu (biên soạn và viết lời bình), *Tuyển tập truyện viết cho thiếu nhi*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1999.
4. Nghiêm Toản, *Việt luận*, Nhà sách Khai trí, Sài Gòn, 1969.
5. *Hương sắc trong vườn văn* (2 tập), Nguyễn Hiến Lê xuất bản, Sài Gòn, 1962.
6. Đỗ Ngọc Thống, *Vẻ đẹp của văn miêu tả*, tập san *Văn học và tuổi trẻ*, số 49 – 2000.
7. Nguyễn Trí, *Dạy Tập làm văn ở trường Tiểu học*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1998.
8. Hoàng Hoà Bình, *Dạy văn cho học sinh Tiểu học*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1997.
9. Nguyễn Đăng Mạnh – Đỗ Ngọc Thống, *Văn – Bồi dưỡng học sinh năng khiếu THCS*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2000.
10. Trương Đình – Lê Khánh Sần, *Tập làm văn 6*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1996.
11. Minh Văn – Xuân Tước, *Việt luận lớp 5, 6, 7, 8*, Sống mới, Sài Gòn, 1970.
12. Trần Bằng Phong, *Giảng văn lớp 6, 7, 8 và lớp 9*, Khai trí, Sài Gòn, 1970.
13. Nguyễn Tăng Chương – Trí Đăng, *Giảng văn lớp 6 và lớp 7*, Sài Gòn, 1974.
14. Vũ Ngọc Khánh, *Bí quyết giỏi văn*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1996.
15. Một số tuyển tập tác phẩm của Ngô Tất Tố, Nguyễn Công Hoan, Nguyễn Tuân, Nam Cao, Thạch Lam, Tô Hoài, Vũ Tú Nam, ...